TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONGTỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Phan Hữu Tỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5c/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Đức T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N; Trụ sở tại: Số 02 L, phường T, quận B, Tp.Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Công S (Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ); địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên

tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị Th và anh Đặng Đức T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 10/7/2003. Trong thời gian chung sống thỉnh thoảng anh chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng đã giải quyết được; tuy nhiên từ tháng 9/2018 cho đến nay mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh T hay ghen tuông vô cớ, có khi đánh đập chị Th; hiện nay anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh T; anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Thị Duyên Th1, sinh ngày 19/10/2002 và cháu Đặng Hải N, sinh ngày 19/11/2008; chị Th yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Anh chị có nợ Ngân hàng N – Chi nhánh Đ 50.000.000 đồng; chị Th yêu cầu Tòa án phân chia mỗi người phải chịu ½ số nợ trên; ngày 15/5/2019 chị Th rút yêu cầu phân chia khoản nợ chung với lý do chưa đến hạn thanh toán; hiện nay khoản nợ này anh chị đã thanh toán cho Ngân hàng. Trước khi mở phiên tòa anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được về việc nuôi con chung và về án phí Tòa án.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Đức T trình bày: Anh T có ý kiến thống nhất với trình bày của chị Th vệ việc xác lập quan hệ hôn nhân, về con chung, nợ chung giữa anh chị và Ngân hàng như chị Th đã trình bày; trước khi đưa vụ án ra xét xử anh T trình bày mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn; sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với chị Th và giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa.Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Chị Th và anh T thỏa thuận thống nhất ly hôn nên đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị; về con chung đề nghị giao cháu Th1 và cháu N cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung chị Th và anh T không yêu cầu phân chia nên không giải quyết; về nợ chung: Do chị Th đã rút yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập nên đình chỉ yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng N – Chi nhánh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đặng Đức T và nuôi con chung; chị Th và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên tranh chấp giữa các đương sự là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"; anh T cư trú tại Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai đối với anh T nhưng anh T xin vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Chị Th và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp; giữa anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh T hay ghen tuông và bất đồng trong quan điểm sống; hiện nay anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh T đã thỏa thuận được với nhau về thuận tình ly hôn nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4]. Chị Th và anh T có hai con chung là cháu Đặng Thị Duyên Th1, sinh ngày 19/10/2002 và cháu Đặng Hải N, sinh ngày 19/11/2008; chị Th yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; các cháu Th1 và N có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn; chị Th và anh T thỏa thuận giao các cháu cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Th1 và cháu N nên cần công nhận. Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung: Chị Th và anh T không yêu cầu phân chia tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Trong đơn khởi kiện chị Th yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng N – Chi nhánh Đ, tuy nhiên ngày 15/5/2019 chị Th rút yêu cầu phân chia nợ chung; việc rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận; Ngân hàng N – Chi nhánh Đ không có yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết; trường hợp Ngân hàng có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Chị Th và anh T thỏa thuận chị Th nộp toàn bộ án phí; việc thỏa thuận nghĩa vụ chịu án phí là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận; chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đặng Đức T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Th và anh T thỏa thuận giao cháu Đặng Thị Duyên Th1, sinh ngày 19/10/2002 và cháu Đặng Hải N, sinh ngày 19/11/2008 cho chị Th chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi; chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Đặng Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về nợ chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị Th đối với khoản nợ 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng tại Ngân hàng N – Chi nhánh Đ

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003943 ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân